

Hà Tiên nhập Đại Việt

Vùng đất châu thổ miền Nam phì nhiêu không được người Cao Miên khai phá, khẩn hoang nhưng có nhiều tiềm lực. Về sự trù phú, phì nhiêu của xứ Đàng Trong, Lê Quý Đôn viết trong Phủ Biên Tạp Lục: "...Những sản vật quý phần nhiều xuất từ miền Nam...Xứ Quảng (kể cả Gia Định) là đất phì nhiêu nhất thiên hạ...Ở phủ Thăng Hoa, phủ Điện Bàn đồng ruộng rộng rãi, lúa tốt...Ba phủ Quy Nhơn, Quảng Nghĩa, Gia Định lúa gạo phần nhiều không kể xiết...ở Gia Định giá lúa rẻ chưa nơi nào như thế. Gạo nếp, gạo tẻ đều trắng trẻo, tằm cá rất to, ăn không hết...[1]

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu đã sai Thống suất Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh "*Lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị*".[2]

Từ đó vùng đất mới này thuộc về chủ quyền Đại Việt.

Năm 1708, phủ Gia Định có thêm trấn Hà Tiên sáp nhập vào. Đây là một sự kiện quan trọng trong việc mở rộng lãnh thổ Đại Việt ở vùng đất Nam Bộ.

Xưa kia, Hà Tiên là vùng đất của Vương quốc Phù Nam, sau thuộc Chân Lạp người Việt gọi là Mang Khảm (còn gọi là Phương Thành, Trúc Phan, hay Đông Trụ). Từ giữa thế kỷ 17, những lưu dân người Việt và người Hoa đã theo đường biển đến vùng này sinh sống. Mạc Thiên Tích đã viết: "Trấn Hà Tiên nước An Nam, xưa là đất hoang, từ tiên quân khai sáng đến nay đã hơn 30 năm, mà dân mới được ở yên, hơi biết việc trồng trọt". Vùng đất này do Mạc Cửu khai phá vào thời chúa Nguyễn.

Năm 1671, khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh, Mạc Cửu, quê ở Lôi Châu tỉnh Quảng Đông, mang cả gia đình, binh sĩ và thuộc hạ khoảng 400 người lên thuyền rời tỉnh Phúc Kiến và đến ở một vùng đất hoang trong vịnh Thái Lan thuộc Chân Lạp, sau đó họ đến xin vua Chân Lạp ở Oudong đang có nội loạn xin tị nạn.

Vua Oudong đã phong cho Mạc Cửu chức Oknha (Ốc nha) để cai quản vùng đất này. Mạc Cửu lập ra 7 xã: Cà Mau, Rạch Giá, Phú Quốc, Vũng Thơm (Sihanoukville), Hà Tiên... và tự cai trị. Nước Chân Lạp thường bị quân Xiêm quấy nhiễu nhưng họ không đủ sức mạnh quân sự để chống đỡ. Gia đình Mạc Cửu đã bị bắt đem về Xiêm. Mạc Cửu trốn thoát về Trưng Kè, sau về Mang Khảm khôi phục lại.

Đại Nam Thực Lục chép: "*Lấy Mạc Cửu làm Tổng binh xứ Hà Tiên. Cửu người Lôi Châu, xứ Quảng Đông. Nhà Minh mất để tóc chạy sang phương Nam, đến đất Chân Lạp làm chức Ốc Nha thấy phủ Sài Mạt nước ấy nhiều người buôn các nước tụ họp bèn mở sòng bạc để thu thuế, gọi là thuế hoa chi, lại được hổ bạc chôn nên trở nên giàu có. Nhân chiêu tập dân đến các nơi Phú Quốc, Cần Bột, Gia Khê, Luống Cày, Hương úc, Cà Mau, thuộc tỉnh Hà Tiên lập thành 7 xã thôn. Thấy nơi ấy tương truyền có người tiên thường xuyên hiện ra trên sông, nhân thế đặt tên là Hà Tiên. Đến đấy Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương cầu và Lý Xá dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông.*" [3]

Năm Mậu Tý (1708) Mạc Cửu xin thần phục Chúa Nguyễn Phúc Chu, được phong làm chức Tổng trấn giữ đất Hà Tiên. Năm 1714, ông lại được phong chức tổng binh cai trị đất Căn Khẩu.

Năm 1724, Mạc Cửu dâng toàn thể đất đai và được phong làm đô đốc cai trị lãnh thổ Căn Khẩu, đổi tên thành Long Hồ dinh.

Từ năm 1729, Long Hồ dinh nổi tiếng là vùng đất trù phú nhất vịnh Thái Lan. Năm 1732, chúa Nguyễn sáp nhập thêm châu Định Viễn vào phủ Gia Định mở rộng thêm vùng đất Nam Bộ.

Năm 1735, Mạc Cửu mất, con là Mạc Sĩ Lân, sau đổi thành Mạc Thiên Tứ (còn gọi là Mạc Thiên Tích), được phong làm đô đốc, kế nghiệp cha cai trị Long Hồ dinh. Mạc Thiên Tứ đắp thành, xây lũy, mở chợ, làm đường và rước thầy về dạy Nho học để khai hóa đất Hà Tiên. Gia đình họ Mạc được Ninh vương Nguyễn Phúc Trú nâng lên hàng vương tôn. Long Hồ dinh đổi tên thành Hà Tiên trấn.

Năm 1739, Mạc Thiên Tứ lập thêm bốn huyện: Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (bắc Bạc Liêu).

Năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương chia lại địa giới hành chính. Đàng Trong có 12 dinh, thì khu vực nay là Nam Bộ có 3 dinh (Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh và Long Hồ dinh) và 1 trấn là Hà Tiên.

“Buổi quốc sơ, bờ cõi một ngày một mở mang, chia đặt cả cõi làm 12 dinh: ở Ái Tử gọi là Cựu dinh, ở An Trạch gọi là Quảng Bình dinh... ở Tân Bình gọi là Phiên Trấn dinh, ở Định Viễn gọi là Long Hồ dinh. Các dinh đều đặt trấn thủ, cai bạ và ký lục để cai trị. Duy hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn lệ thuộc vào dinh Quảng Nam, thì đặt riêng chức tuần phủ và chức khám lý để cai trị. Hà Tiên lại biệt làm một trấn, thuộc chức đô đốc. Phú Xuân thì gọi là Chính dinh, nay chúa đã lên ngôi vương, mới đổi làm đô thành như thế”. [3]

Năm 1755, Nặc Nguyên nhờ Mạc Thiên Tứ dâng chúa Nguyễn lãnh thổ hai phủ Tầm Bôn (Tân An, Long An) và Lôi Lập (Gò Công) để được về Nam Vang cai trị.

Năm 1757, nước Chân Lạp có nội loạn, vua Nặc Tôn phải chạy sang nương nhờ, Mạc Thiên Tứ làm tổng binh trấn Hà Tiên. Ông xin chúa Nguyễn cho hộ tống Nặc Tôn về nước. Sau đó, Nặc Tôn đã cắt đất đền ơn cho Mạc Thiên Tứ 5 phủ của Chân Lạp là: Châu Sum, (Châu Sum nay là vùng Bảy Núi An Giang), Chưng Rùm (Chhuk, Kampot), Sài Mạt (Cheal Meas hay Banteay Meas), Linh Quỳnh (Kiri Vong (Takeo), hay Chum Kiri (Kampot)) và Vũng Thơm (Kompong Som). Năm phủ này là vùng duyên hải (ven bờ Vịnh Thái Lan) từ Srae Ambel tỉnh Koh Kong (tức Cổ Công, giáp với vùng người Thái) cho đến Mang Khảm (Ream). Mạc Thiên Tứ đem đất này dâng chúa Nguyễn. Sau đó 5 phủ này được nhập vào Mang Khảm (tức trấn Hà Tiên), đồng thời chúa cho lập ra hai đạo Kiên Giang (Rạch Giá) và Long Xuyên (Cà Mau) đều thuộc trấn Hà Tiên.

Từ năm 1769, quân Xiêm đi đánh Hà Tiên bị bệnh chết rất nhiều, Trấn này suy yếu và bị quân Xiêm chiếm đóng từ năm 1771, Mạc Thiên Tích và thuộc hạ phải chạy về Trấn Giang rồi rời khỏi Hà Tiên không trở về. Sau ba năm chiếm của quân Xiêm, Hà Tiên bị tàn phá. Năm 1777, quân Tây Sơn nổi dậy chống lại triều Nguyễn, Mạc Thiên Tích lánh nạn sang Xiêm.

Năm 1774, Chúa Nguyễn Phúc Khoát chia Đàng trong thành 12 dinh, nhưng vẫn để lại trấn Hà Tiên, phong Mạc Thiên Tích làm Đô đốc cai trị.

Năm Đinh Mùi (1787), chúa Nguyễn Ánh lấy lại được đất Hà Tiên do người Xiêm La đô hộ. Năm 1788, Nguyễn Ánh đem 2 đạo Kiên Giang và Long Xuyên nhập vào dinh Vĩnh Trấn (sau là Vĩnh Long). Đến thời nhà Nguyễn, vua Gia Long lại tách 2 đạo này trả về cho trấn Hà Tiên như cũ.

Lịch sử cũ chép: Năm Gia Long thứ 9 (1810) nhà Nguyễn đổi 2 đạo Kiên Giang và Long Xuyên thành huyện thuộc phủ An Biên trấn Hà Tiên. Giai đoạn 1819-1825, theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức thì: Trấn Hà Tiên trực tiếp quản lý 19 làng người Việt (trong đó 7 làng thuộc trấn thành Hà Tiên (là: Minh Hương thôn, Tân An, Tân Đông, Tiêm Hưng, Mỹ Hòa, Thuận An, Tiêm Hương) và 12 làng thuộc đảo Phú Quốc (là: Dương Cảnh Đông, An Hòa, Vĩnh Thạnh, Thái Thạnh, Phước Lộc, Phú Đông, Cẩm Sơn, Phước Sơn, Minh Hương thuộc (Phú Quốc), Tân Qui, Mỹ Thạnh, Tiên Tinh)), 6 làng người Hoa (Minh Bột Đại phố, Minh Bột Tân phố, Minh Bột Kỳ Thọ phố (trước là Cây Cây), Minh Bột Lư Khê sở (trước là Rạch Vượt), Minh Bột Thổ Khâu điểm (trước là Điểm Rê), và Đường Nhơn thuộc (ở Phú Quốc)), 26 làng (sóc) người Khmer (Lộc Trĩ (Lok), Cổ Cần Lộ, Sa Cà Mao, Cổ Sâm (hay Cổ Tham), Cổ...,..., Ba Nam Rạp, Phiếm, Cò Vinh, Xoài [Tống] (Svay Tong), Hấp Tra, Kiên-xà-nư Rạch Vượt, Ta Lo, Côn..., Hòn Chông, Nam Rạp, Côn-trà Vị, Cốc Tầm Lai, Cốt Trà Câu, Phun Vàng Co, Côn Đông, Việt Trác, Cốt Trà Mục, Bài Tầm Man, Lạc Bà Già, Tầm-nặc Tà-Bệt (Damnak trabaek)), và 1 làng người Đồ Bà[7] là: Đồ Bà đội. Ngoài ra Trấn Hà Tiên còn kiêm quản 2 huyện Long Xuyên và Kiên Giang. Đảo Phú Quốc trước năm Gia Long 18 (1819) thuộc đạo (huyện) Long Xuyên, năm 1819 chuyển lệ thuộc trấn thành Hà Tiên. Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), đặt thêm huyện Hà Tiên (sau đổi là Hà Châu) thuộc phủ An Biên trấn Hà Tiên. Ban đầu huyện Hà Tiên gồm 2 tổng Hà Nhuận và Hà Thanh. Huyện Hà Tiên (Hà Châu) chứa tất cả 52 làng (gồm 19 làng người Việt, 6 làng người Hoa, 26 sóc người Cao Miên và 1 làng người Đồ Bà), từng trực tiếp thuộc trấn thành giai đoạn 1819-1825 kể trên.

Tháng 4 âm lịch năm 1824, Nặc Ông Chân (Ang Chan II), lại dâng cho nhà Nguyễn 3 vùng Chân Sum (Chân Thành hay Chân Chiêm), Mật Luật (Ngọc Luật), Lợi Kha Bát (Prey Kabbas tỉnh Takeo). Nhà Nguyễn chỉ lấy 2 đất Chân Sum và Mật Luật. Chân Sum sau được nhập vào hai huyện Hà Âm và Hà Dương từng thuộc phủ Tĩnh Biên Hà Tiên, trước khi chia về cho tỉnh An Giang.

Năm 1832, vua Minh Mạng đặt ra tỉnh Hà Tiên, gồm 1 phủ là Quan Biên (phủ An Biên) thống lĩnh 8 huyện: Hà Châu (huyện Hà Tiên), Long Xuyên (Cà Mau) và Kiên Giang (sau thuộc Rạch Giá), Sài Mạt, Linh Quỳnh, Châu Sum (có thể là Chhuk, mà cũng có thể là Báy Núi), Cần Vọt, Vũng Thơm.

Năm 1833, Lê Văn Khôi nổi loạn đánh chiếm Hà Tiên, rồi quân Xiêm theo cầu viện của Khôi cũng vào chiếm Hà Tiên, nhà Nguyễn phải điều binh đánh dẹp. Năm 1834, nhà Nguyễn đem đất Cần Vọt và Vũng Thơm xưa đặt thành 2 phủ mới là Quảng Biên (Cần Vọt cũ, đất Kampot) và Khai Biên (Vũng Thơm cũ, khoảng cảng Kampong Som), đồng thời đổi lại tên phủ Quan Biên thành phủ An Biên. Đến năm 1837 lại hạ cấp phủ Khai Biên thành huyện và lập thêm huyện Kim Trường (sau

thành Vĩnh Trường, cùng với huyện Khai Biên thuộc phủ Quảng Biên (Kampot)). Nhưng đến thời vua Thiệu Trị (1840-1847), phủ Quảng Biên lại bị xóa bỏ. Năm 1836, Trương Đăng Quế, lập địa bạ Nam Kỳ, thì huyện Hà Châu tỉnh Hà Tiên gồm 5 tổng: Hà Nhuận, Hà Thanh, Nhuận Đức, Thanh Di, và tổng Phú Quốc (tổng hải đảo), tất cả gồm 44 làng.

Bản đồ cổ tỉnh Hà Tiên nhà Nguyễn có tên là Hà Tiên toàn đồ in trong địa bạ tỉnh Hà Tiên năm 1836. Tận cùng phía tây của Hà Tiên giáp biên giới với Trấn Tây Thành (Cao Miên) là núi Bạch Mã (nay là núi Kaeb tỉnh Kép) và núi Bồng (Bồng Sơn, Kép).

Năm Minh Mạng 20 (1839), vua Minh Mạng lấy đất nằm hai bên bờ kênh Vĩnh Tế thuộc phủ Chân Thành (Chân Chiêm hay Châu Chiêm) của Trấn Tây Thành (vùng lãnh thổ Cao Miên do nhà Nguyễn bảo hộ) nhập vào lãnh thổ Đại Nam thuộc tỉnh Hà Tiên, lập thành phủ Tĩnh Biên gồm 2 huyện: Hà Âm (phần phía Bắc phủ Tĩnh Biên, bờ tả sông Vĩnh Tế), Hà Dương (phần phía Nam phủ Tĩnh Biên, bờ hữu sông Vĩnh Tế). Sang thời Thiệu Trị, lại tách phủ Tĩnh Biên cùng 1 huyện Hà Dương khỏi Hà Tiên để nhập vào tỉnh An Giang (năm Thiệu Trị thứ 2 (1842)), huyện Hà Âm vẫn thuộc phủ An Biên tỉnh Hà Tiên cho đến năm 1844 thì chuyển nốt cho phủ Tĩnh Biên tỉnh An Giang.

Theo Đại Nam thực lục, năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), tháng 4 âm lịch, thổ dân Khmer ở phủ Quảng Biên (Kampot, gồm cả huyện Khai Biên (Kampong Som)) không thuận theo nhà Nguyễn, sợ hãi bỏ quê đi lưu tán hết. Quan tỉnh Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt tâu về triều. Vua Thiệu Trị cho là quan quân nhà Nguyễn ở Quảng Biên đóng giữ đất không, chẳng được ích lợi gì, liền cho binh biên đóng đồn phủ Quảng Biên, cùng quan phủ huyện rút hết về tỉnh thành Hà Tiên. Sau đó quân Xiêm-Lạp đến lấn đất phủ Quảng Biên (gồm cả huyện Khai Biên). Từ đó, phần đất phủ Quảng Biên (Kampot, Kampong Som) không còn thuộc tỉnh Hà Tiên của nhà Nguyễn nữa.

Thời vua Tự Đức cho đến khi Pháp chiếm Hà Tiên (1847-1867), tỉnh Hà Tiên gồm 1 phủ (là phủ An Biên) với 3 huyện: Hà Châu, Kiên Giang và Long Xuyên. Các huyện trước thuộc phủ Quảng Biên (đất Cần Bột (Kampot), Vũng Thơm) trả về cho nước Cao Miên.

Theo Đại Nam nhất thống chí thì vào thời vua Tự Đức, cương vực tỉnh Hà Tiên như sau: "...*Đông-Tây cách nhau 37 dặm, Nam-Bắc cách nhau 25 dặm, phía Đông đến địa giới huyện Hà Dương tỉnh An Giang (35 dặm), phía Tây đến biển (2 dặm), phía Nam vượt qua núi Tô Châu đến biển (5 dặm), phía Bắc đến địa giới Cao Miên (25 dặm), phía Đông Nam đến địa giới huyện Phong Thạnh tỉnh An Giang (150 dặm linh), phía Tây Nam đến biển (chừng 1 dặm), phía Đông Bắc đến địa giới Cao Miên (25 dặm), phía Tây Bắc vượt qua núi Bạch Ô đến biển (20 dặm). Từ tỉnh lỵ đi về phía Đông đến Kinh 1.325 dặm...*"

Như vậy, tỉnh Hà Tiên nhà Nguyễn nằm kéo dài bên bờ vịnh Thái Lan (biển Tây), suốt từ Cà Mau đến Hà Tiên, có thời kỳ tới tận tỉnh Kampot và thành phố

Sihanoukville (Kompong Som) của Campuchia, phía Đông giáp với tỉnh An Giang nhà Nguyễn, phía Tây Bắc, phía Bắc và phía Đông Bắc tiếp giáp Cao Miên.

Đào Duy Anh viết trong sách Đất nước Việt Nam qua các đời, về các địa danh trấn Hà Tiên, : "... Chúng ta đã biết Vũng Thơm, Cần Bột, Sài Mạt là dải đất từ lỵ sở Hà Tiên đến Sài Mít. Tức dải đất bờ biển phía tây nam nước Cao Miên. Còn Chân Sum thì Nhất thống chí (An Giang) chép là núi ở phía nam huyện Hà Âm cách 10 dặm, cách bờ sông Vĩnh Tế ở phía Nam 10 dặm. Huyện Hà Âm là huyện ở phía bắc sông Vĩnh Tế (phía âm của sông) nên gọi tên là thế, đối với huyện Hà Dương là huyện ở phía nam (phía dương của sông). Có thể đất Chân Sum là đất Sóc Sum của tỉnh KamPot. Về Linh Quỳnh thì Nhất thống chí chép rằng núi Linh Quỳnh thuộc huyện Hà Châu cách 120 dặm và ở phía bắc sông Giang Thành, sông này có hai nguồn ra từ núi Linh Quỳnh. Linh Quỳnh tức địa điểm Linh Quỳnh của tỉnh KamPot nước Cao Miên. (Xem thế thì thấy rằng năm phủ Vũng Thơm, Cần Bột, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh ở đời Nguyễn còn là đất của huyện Hà Châu tỉnh Hà Tiên và của huyện Hà Âm tỉnh An Giang, đến đời Tự Đức triều Nguyễn mới trả về nước Cao Miên)."

Theo Đại Nam nhất thống chí thì cảnh vật tỉnh Hà Tiên nhà Nguyễn gồm:

Núi: ở Hà Châu có (Kim Dữ, Bình Sơn (Bình San), núi Phù Anh, Tô Châu, gò Lộc Trĩ (Lộc Giác, tức Mũi Nai), Bạch Mã (tức Bạch Ô ở Kep), Địa Tạng, Kháo Sơn), núi Sài Mạt (Banteay Meas), Tượng Sơn (núi Voi ở Cần Vọt (Kampot)), núi Linh Quỳnh (Kiri Vong)), ở Kiên Giang có núi Thổ Sơn (Hòn Đất), ở huyện Long Xuyên có (núi Trà Sơn, lèn Bạch Thạch (hòn Đá Bạc)).

Sông hồ: (sông Giang Thành, Lũng Kè, Tân Xuyên, Nghi Giang, Bò Đề), hồ Đông Hồ.

Đảo: Hòn Khoai (Cà Mau), Hòn Rái (Kiên Giang, Phú Quốc, Thổ Chu, Cỏ Công (Vũng Thơm), Cỏ Cốt (Co Tang), Cỏ Luân,...

Nhiều cảnh vật này được miêu tả bởi Mạc Thiên Tích .Dưới thời Mạc Thiên Tích cho mở mang, khai phá thêm đất đai và thành lập các huyện Kiên Giang, Long Xuyên (Cà Mau), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (Bạc Liêu); địa giới hành chính lúc bấy giờ tương đương dải đất Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng Cần Thơ và Hậu Giang ngày nay.

Một sự kiện quan trọng văn hóa Hà Tiên của Mạc Thiên Tích là sự thành lập Tao Đàn Chiêu Anh Các do Mạc Thiên Tích làm nguyên soái ra đời, nên văn hóa Hà Tiên được lập ra năm 1736, một hoạt động văn hóa, tôn giáo và giáo dục, kết quả của sự tiếp đón, chiêu đãi hiền tài, mở trường dạy chữ... Với hoạt động này, Hà Tiên đã gây ấn tượng trong giới văn nhân thời đó đến độ nhà bác học Lê Quý Đôn sau khi xem được tập “Hà Tiên thập vịnh” theo bản khắc gỗ in của Mạc Thiên Tích, đã không tiếc lời khen ngợi và thốt lên rằng “không thể bảo rằng ở vùng hải ngoại xa xôi không có văn chương vậy”.. Sau hơn 30 năm hoạt động, Tao đàn đã quy tụ được hơn 30 cây bút trong và ngoài nước, xuất bản được nhiều tập thơ chữ Hán và chữ Nôm.

Trong hoạt động văn chương của Chiêu Anh Các, người ta hay nhắc tới việc ngâm vịnh xướng họa *Hà Tiên thập vịnh* để tả về 10 cảnh đẹp của Hà Tiên. Khởi đầu là những bài xướng của Mạc Thiên Tích. Sau đó là mấy trăm bài họa về mười cảnh đẹp này, gồm cả thơ chữ Hán lẫn chữ Nôm (có hơn 300 bài họa). [4]

Mười bài thơ ngâm vịnh này mô tả lại mười vị trí đẹp, nên thơ bậc nhất của đất Hà Tiên ngày ấy (Hà Tiên thập cảnh), gồm các bài thơ được viết theo thể thơ Đường, dưới dạng chữ Hán, được xếp theo thứ tự từng đôi một. Có 5 đôi như sau:

1- “*Kim dữ lan đào*” hay là “*Kim dự lan đào*” (Đảo vàng chắn sóng) là bài thơ được xếp đầu trong bộ sưu tập thập cảnh, đề cập tới cảnh đẹp của hòn đảo nhỏ ngay cửa biển Hà Tiên:

Dân chúng còn gọi “*Kim dữ*” là pháo đài, bởi nó còn là nơi có pháo đài canh giữ cửa biển, bảo vệ trấn Hà Tiên. Ngày nay chiếc cầu Tô Châu đã nối liền hòn đảo này với Quốc lộ 80 để du khách có thể đặt thăm viếng đảo này.

Trịnh Hoài Đức ghi lại như sau: Đại Kim Dữ ở vùng bãi biển phía nam trấn, chu vi 193 trượng 5 thước ta. Đảo này ngăn sóng giữ, ấy là hạt ngọc biển của trấn. Nơi bờ có bắc cái cầu ván để thông lối ra vào, phía sau có viện Quan Âm, là chỗ Tống Thị Sương[4]thêu tượng Phật Bà tịnh tu; phía trái có diêu đình, khi có gió mát trắng trong, khách du ngoạn thường buông câu ngâm vịnh. Phía trước có đặt trại thủ bị, phía tây nam xây lũy đá bao quanh để giữ giặc biển. Đây là cảnh Kim dữ lan đào [đảo Kim (vàng) ngăn sóng], một trong 10 cảnh đẹp ở Hà Tiên.

- “*Bình san điệp thúy*” là bài thơ được xếp cặp với “*Kim dữ lan đào*”. Bài thơ vịnh về cảnh đẹp của một dãy núi nối liền với “*Kim dữ lan đào*”. Bình San là một dãy núi như bức bình phong che chắn gần hết mặt phía Tây thành Hà Tiên xưa. Điệp Thuý có nghĩa là ngút ngàn, lớp lớp một màu xanh trập trùng. Núi này còn có tên gọi là núi Lãng, vì trên núi có lăng mộ Mạc Cửu, con cháu họ Mạc và các vị quan văn võ khác. Nay núi thuộc phường Bình San, thị xã Hà Tiên.[5]

2-*Tiêu tự thần chung* không thuần túy là một cảnh tĩnh mà là một bức tranh động, có cảnh chùa nhưng cũng có tiếng chuông chùa buổi sớm mai vang lên từ khung cảnh tịch mịch ấy. Ngôi chùa này được gọi là chùa Tiêu hay hay Tiêu tự. Chùa Tiêu không còn, thay vào đó là chùa Tam Bảo hiện nay.

Trịnh Hoài Đức chép : Địa Tạng Sơn (núi Địa Tạng) Ở về phía bắc của trấn, cách núi Phù Dung 5 dặm. Trên núi có chùa Địa Tạng, vì vậy nên có tên là núi Địa Tạng. Chùa này công đức trang nghiêm, ai vào cửa chùa bỗng thấy tắt hẳn tục niệm tham sân, thật là cảnh giới làm bậc thang để đến non Thúy. Đây là cảnh Tiêu tự thần chung (chuông mai chùa vắng) là một trong số 10 cảnh đẹp của Hà Tiên.

Cặp với bài thơ trên *Giang thành dạ cổ* : cảnh thành quách cặp hai bên bờ rạch Giang Thành với tiếng trống canh từ những đồn thú xa xa, hay những thuyền canh vang lên trong đêm yên tĩnh. Rạch Giang Thành nằm gần sát với Campu chia, nên chắc được họ Mạc xem như đường ranh giới phân định biên cương cần phải được canh phòng cẩn mật, mà tiếng trống canh là một hoạt động không thể thiếu để nói về cảnh đẹp Giang Thành. Sông Giang Thành bắt nguồn từ Vương quốc Campuchia, xưa người Khmer gọi sông này là Prêk Ten, vì bên cạnh nó có một thôn ấp cổ tên là Tà Ten. Sông chảy vào Việt Nam theo hướng Bắc Nam, dài khoảng 23 km nối liền với kinh Vĩnh Tế, nằm trên địa phận xã Tân Khánh Hòa, xã Phú Mỹ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, rồi đổ vào vũng Đông Hồ ở thị xã Hà Tiên, trước khi ra vịnh Thái Lan. Nhà phố bên rạch Giang Thành hiện nay không còn nữa.

3-*Thạch động thôn vân* là bức tranh đẹp về cảnh núi mây. Thạch Động còn được gọi là Vân Sơn, là một ngọn núi nhỏ nằm ở xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Đây là một khối đá vôi Pecmi sót khổng lồ, đứng sừng trên một đồi cát, ở ven đường Hà Tiên đi Campuchia., khiến cho du khách có thể nhìn ngắm trời xanh, mây trắng khi vào trong hang động. Một hang động gắn với truyền thuyết Thạch Sanh cứu công chúa mà người Việt đã lưu truyền. Đứng ở lưng chừng núi nhìn qua những cánh đồng lúa xanh rì tới một vùng biên giới xa xa có những núi khác ẩn hiện trong sương mây là vùng đất Campuchia.

Cặp với *Châu nham lạc lộ* Châu Nham tục gọi là Bãi Ốt, cách trấn về phía đông 22 dặm rưỡi. Đỉnh núi tròn trịa, sườn đá lởm chởm, chạy thẳng đến bờ biển; có những gành đá chênh vênh, vũng sâu bùn cát, quanh bọc 2 bên tả hữu. Trong đó có đá tinh quang, ở dưới nhiều sò vắn đỏ. Đây là cảnh một trái núi nổi lên giữa một vùng đồng thấp, nằm phía sau Thạch Động về hướng Tây Bắc được gọi là núi “Đá Dựng”. Gọi “Châu nham lạc lộ” (cò về núi ngọc) vì hòn núi này có thạch nhũ lấp lánh như châu ngọc, lại có nhiều cây xanh như một khu vườn nằm giữa, có những cánh đồng hoặc những ao đầm duyên hải bao chung quanh, dễ là nơi lí tưởng cho chim, cò về trú ngụ, tìm môi, kiếm ăn.

4-*Đông hồ ấn nguyệt* Đông Hồ rộng khoảng 1.047 ha, là nơi hợp lưu giữa kênh Vĩnh Tế với sông Giang Thành trước khi đổ ra vịnh Thái Lan. Đáng lẽ nơi này phải được gọi là đầm, phá hay vũng; nhưng người xưa đã quen gọi là hồ, vì có thể là từ trên cao nhìn xuống, núi Tô Châu (đại Tô Châu, tiểu Tô Châu), núi Kim Dữ và núi Bình San vây quanh, không còn trông thấy cửa biển, nên nó trông giống một cái hồ hơn. Ánh trăng soi bóng xuống mặt hồ làm Mạc Thiên Tích hình ảnh hóa hiện tượng này như một chiếc ấn tròn đóng trên mặt trang giấy mà gọi là “Đông hồ ấn nguyệt” thì còn chữ dùng nào hay hơn.

Cặp với *Nam phố trường ba* Nam phố là khu vực thuộc Bãi Ốt xã Dương Hòa (khu vực có tên Hòn phụ tử tương tự như “Hạ Long” của Nam Bộ), dải bờ biển ở đây nằm núp sau Hòn Một của Mũi Dừa, một dải đất nằm nhô ra biển hứng gió mùa Tây Nam thay cho Nam phố nên vùng biển này luôn yên bình. Thành thử, tuy vào mùa nam biển động, sóng bở ngọn trắng xóa ngoài khơi, nhưng khi vào gần đất liền, sóng trở nên lặng êm.

-5-*Lộc trĩ thôn cư* là bãi biển Mũi Nai, mà tương truyền rằng, có nhiều nai đến đây, sinh sống, hoặc địa thế của bãi biển này tượng hình như nai đang cúi đầu uống nước. Lộc Trĩ, là tên chỉ một mỏm núi nhô ra mặt biển, đi thuyền từ ngoài biển nhìn vào phảng phất giống như hình đầu con nai nằm ghéch mỏm ngó ra mặt biển. Theo Đông Hồ thì có lẽ nhân tên Nôm là Mũi Nai nên mới có tên Hán là Lộc Trĩ.

Trình Hoài Đức chép :Lộc Trĩ cách trấn về phía tây 43 dặm. Cây cối lưng lơ lưng núi, ngọn núi nhọn đứng chọc trời cao, vượt qua đất bằng mà gối đầu bờ biển. Suối ngọt, đất tốt, nhà cửa nhân dân ở vây quanh dưới bóng núi. Trong 10 cảnh đẹp của Hà Tiên thì Lộc Trĩ thôn cư (xóm quê Mũi Nai) là một cảnh vậy.

và *Lư Khê ngư bạc* hay “Lư Khê nhàn điếu” có nghĩa thuyền đánh cá đỗ bến Vược...

Lư là cá vược (còn được gọi là cá chêm. Tên khoa học: Lates calcarifer). Khê là khe nước. Ngư bạc là thuyền câu hay thuyền chài đổ bến. Rạch Vược. có nhiều cá chêm được gọi là Lư Khê, nhưng quen gọi nơi đây “Rạch Vược”. Sau những chuyến đi khơi, ghe, tàu sẽ về đây trú ngụ, nghỉ ngơi (ngư bạc).

Khe Lư Khê ở cách trấn về phía đông 7 dặm rưỡi, lại cách về phía đông núi Tô Châu 4 dặm rưỡi. Phía nam thông với biển cả, phía tây có diều đình (nhà ngòi câu) là di tích của Mạc Quận công khi rảnh đến ngòi câu.

Khe rộng 2 trượng rưỡi, sâu 5 thước ta, dài 5 dặm rưỡi, dòng khe uốn chuyển lên bắc chảy quanh ra Đông Hồ. Bờ phía đông có dân cư thôn Tiên Thuận ở đấy. Thỉnh thoảng có người dặt bọ (đêm), chèo thuyền đi dưới bóng cây sạch mát, rượu thịt ê hề, hừng đông tỉnh giấc Tô Tử; canh gỏi tươi ngon, hơi thu động niềm Trương công. Dân địa phương hay khách lạ tạt qua đều vui cảnh ấy, nên trong 10 cảnh ở Hà Tiên, có cảnh Lư Khê nhàn diều (rảnh câu Lư Khê) ấy là ghi chép một việc lạc thú vậy.[5]

Ngoài 10 bài thơ Đường xương chữ Hán, Mạc Thiên Tích còn làm 10 bài thơ Đường họa chữ Nôm.

Mạc Thiên Tích làm bài Hà Tiên thập cảnh tổng vịnh để tổng kết mấy nét chính có trong tập thơ, ông còn có dụng ý tuyên truyền thể lực của mình, phô trương sự phồn thịnh nơi mình cai quản, đồng thời còn để nói lên chí khí, hoài bão và tâm sự của mình. :

*Mười cảnh Hà Tiên rất hữu tình,
Non non nước nước gấm nên xinh.
Đông Hồ, Lộc Trĩ luôn dòng chảy,
Nam Phố, Lư Khê một mạch xanh.
Tiêu Tử, Giang Thành, chuông trống ỏi,
Châu Nham, Kim Dự cá chim quanh.
Bình San, Thạch Động là rường cột,
Sừng sừng muôn năm cũng để dành.[4]*

Khi Nguyễn Ánh bắt đầu khôi phục lại cơ đồ thì Mạc Thiên Tích ở Vọng Các (Bangkok), bị vua Xiêm nghi ngờ và cho giết chết tất cả thuộc hạ của ông, khiến ông tự tử năm 1780.

Sau khi thắng nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi là vua Gia Long năm 1802, khôi phục lại vùng Hà Tiên, và phong chức cho hậu duệ Mạc Cửu như Mạc Tử Sanh, Mạc Công Bính, Mạc Tử Thiêm làm trấn thủ Hà Tiên. Nhưng Hà Tiên không còn phồn thịnh như trước mà đã bắt đầu chịu ảnh hưởng của nước Xiêm và dần dần thuộc về nhà Nguyễn, các quan trấn thủ do vua Gia Long bổ nhiệm vì sau đời Mạc Tử Thiêm thì con cháu họ Mạc còn nhỏ không thể cai trị trấn này được nữa.

Đến năm 1816 Mạc Công Du được phong quan Hiệp Trấn, sau được cai trị Hà Tiên. Trong thời gian này lại có loạn Lê Văn Khôi chống nhà Nguyễn và chiếm Hà Tiên, con cháu Mạc Công Du theo giặc nên đều bị tội, em của Mạc Công Du là Mạc Công Tài là người cuối cùng trong họ Mạc giữ chức trấn thủ Hà Tiên (1832), sau đó cả anh em, con cháu đều bị kết tội, bị lưu đày biệt xứ.

Năm 1867, thực dân Pháp chiếm Nam kỳ lục tỉnh và chia tỉnh Hà Tiên thành các hạt tham biện Hà Tiên, Rạch Giá và Bạc Liêu. Từ năm 1913 đến năm 1924, tỉnh Hà Tiên được đặt dưới quyền chủ tỉnh Châu Đốc. Ngày 9 tháng 2 năm 1924, Hà Tiên lại trở thành một tỉnh độc lập. Năm 1924, tỉnh Hà Tiên gồm 4 quận: Châu Thành, Giang Thành, Hòn Chông và Phú Quốc. Tỉnh lỵ Hà Tiên đặt tại làng Mỹ Đức thuộc quận Châu Thành.

Ngày nay thuộc tỉnh Kiên Giang thành phố Hà Tiên giáp với Campuchia, đường biên giới dài hơn 13 km, Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên thông thương với cửa khẩu Prek Chak của Campuchia, rất thuận lợi trong việc phát triển kinh tế cửa khẩu. Đặc biệt, Hà Tiên có địa thế chiến lược, là một địa điểm chuyển tiếp giao thương quốc tế với đường Xuyên Á, đường hành lang ven biển, Quốc lộ 80, Quốc lộ N1, kết nối vùng Nam Bộ với các nước bạn, có đường biển đi Phú Quốc và đến thành phố Kép, cảng Konpongsom, thành phố Sihanoukville (Campuchia), đến Thái Lan hay Malaysia.

Nqm 2023, chủ tịch UBND thành phố Hà Tiên cho biết nhằm mục tiêu đến năm 2040, phát triển thành phố Hà Tiên trở thành một trong những trung tâm kinh tế, giao thương, du lịch văn hóa - di sản vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hà Tiên chuyển hóa không gian chức năng, gắn phát triển đô thị với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển thị trường, thương mại, dịch vụ, du lịch trong nước và quốc tế; nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng liên kết vùng. Hà Tiên hướng tới phát triển đô thị thông minh, xanh và bền vững, cùng với đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tiện ích hiện đại, cảnh quan hấp dẫn...[6]

Tham khảo

[1]-Lê Quý Đôn- Phủ Biên Tạp Lục

[2]-Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí [3]-Đại Nam thực lục, tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội, [4]-Đông Hồ – Văn học Hà Tiên

[5]-Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí [6]-Cổng thông tin điện tử Kiên giang 2023

Nguyễn Hoạ

www.vietnamvanhien.org

